

TỔNG CÔNG TY CP VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Số: 225 /2014/CV-V21

(V/v: Công bố BCTC bán niên
soát xét 2014)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Vinaconex 21
2. Mã chứng khoán: V21
3. Địa chỉ trụ sở chính: phố Ba La – phường Phú La – Q. Hà Đông – Hà Nội
4. Điện thoại: 046.325.6588 Fax: 046.325.6588
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Xuân Việt
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2014 của Công ty cổ phần Vinaconex 21 được lập ngày 25 tháng 08 năm 2014 và được Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam ký chấp thuận ngày 28/08/2014 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình về sự biến động chi tiêu lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp Quý II/2014 lỗ 1,088 tỷ đồng và Báo cáo bán niên soát xét 2014 lỗ 4,125 tỷ đồng :
 - Nguyên nhân là do điều chỉnh giảm doanh thu một số công trình do chưa đủ điều kiện ghi nhận. Từ đó làm lợi nhuận trong kỳ giảm.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.vinaconex21.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu PKT

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Huy Cường



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494
Website: www.vae.com.vn

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 6294 1117/6252 1818 Fax: 08. 6294 1119

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacorex 21 trình bày Báo cáo và Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được kiểm toán kỹ thuật số từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Khai thác khoản từ Lợi nhuận

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32

2228-C
CÔNG TY
LIÊN HỮU
TỔNG VÀ ĐÌNH
T. NAM
Y - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vinaconex 21 trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Vinaconex 21 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VINACONEX 21 JOINT STOCK COMPANY, viết tắt là VINACONEX 21 JSC tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000252 ngày 10/03/2005. Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinaconex 21 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236902 được thay đổi lần thứ 6 ngày 29/08/2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236902 thay đổi lần 6 ngày 29/08/2013 thì vốn điều lệ của Công ty là **17.000.000.000 đồng** (Mười bảy tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

Ngày 10/03/2010, Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: V21.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinaconex 21 - Xí nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng được thành lập ngày 21/12/2006, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 số 0500236902-001 ngày 08/05/2012 tại xã Cam Thượng, Ba Vì, Hà Nội.
- Công ty Cổ phần Vinaconex 21 - Chi nhánh Quảng Ninh được thành lập ngày 16/05/2012, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236902-002 ngày 16/05/2012 tại số 69, đường Tuệ Tĩnh, phường Thanh Sơn, Tp. Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường hầm, cấp thoát nước, buro điện, văn hóa, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, đường dây và trạm biến thế đến 500 KV, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án: Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa; Khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, đo đạc công trình, thi nghiệm;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu chế xuất, khu công nghiệp; Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn; Du lịch lữ hành; Vận chuyển hành khách du lịch;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư; máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng, đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cầu kiện và vật liệu dùng trong xây dựng và trang trí nội thất, ngoại thất;
- Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Thi công và tu bổ các công trình di tích lịch sử.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Việt	Chủ tịch
Ông Nguyễn Huy Cường	Ủy viên
Ông Ngô Văn Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vịnh	Ủy viên
Ông Vũ Đức Hạnh	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Huy Cường	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vịnh	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Vũ Đức Hạnh	Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

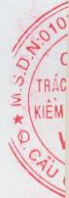
Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

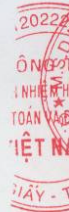
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21



Nguyễn Huy Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2014





BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Vinaconex 21

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 được lập ngày 25 tháng 08 năm 2014 của Công ty Cổ phần Vinaconex 21 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán. Tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý các vấn đề sau:

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với số dự phòng ước tính là 6.632.168.716 đồng.

Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc kê khai, nộp thuế GTGT và tạm nộp thuế TNDN liên quan đến khoản tiền ứng trước của khách hàng liên quan đến dự án Khu nhà ở Phú Thịnh theo quy định hiện hành.

Tại thời điểm 30/06/2014 Công ty không thực hiện kiểm kê giá trị sản lượng dở dang của các công trình nên một số công trình xây lắp được Công ty kết chuyển giá vốn trên cơ sở ước tính.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Vinaconex 21 giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		310.372.388.603	335.573.016.456
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.806.045.183	13.701.161.143
1 Tiền	111		3.473.545.183	12.401.161.143
2 Các khoản tương đương tiền	112		3.332.500.000	1.300.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.584.111.158	126.962.985.195
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	76.751.986.129	101.652.869.999
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	17.547.381.964	24.216.469.978
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	2.168.994.050	1.977.896.203
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(884.250.985)	(884.250.985)
IV Hàng tồn kho	140		199.485.050.244	185.365.039.554
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	199.485.050.244	185.365.039.554
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		8.497.182.018	9.543.830.564
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152	VIII.3.3	105.416.415	281.888.883
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.3	8.391.765.603	9.261.941.681
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		52.575.292.662	51.475.182.648
I Các khoản phải thu dài hạn	210		10.931.650.000	6.931.650.000
4 Phải thu dài hạn khác	218	V.4.	10.931.650.000	6.931.650.000
II Tài sản cố định	220		40.092.094.613	42.494.225.879
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	40.092.094.613	42.494.225.879
- Nguyên giá	222		70.490.914.744	70.490.914.744
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.398.820.131)	(27.996.688.865)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		1.551.548.049	2.049.306.769
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.	1.551.548.049	2.049.306.769
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		362.947.681.265	387.048.199.104

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		329.562.521.987	349.537.824.692
I Nợ ngắn hạn	310		272.171.934.783	287.797.413.324
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7.	89.018.018.522	114.037.480.394
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.4	65.779.419.652	94.475.468.040
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.5	19.852.706.709	7.414.267.400
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8.	26.050.946.416	30.762.283.371
5 Phải trả người lao động	315		15.220.262.796	12.447.966.905
6 Chi phí phải trả	316	V.9.	1.043.800.349	1.020.123.778
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HỖXĐ	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.	55.038.624.434	27.347.658.531
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		168.155.905	292.164.905
II Nợ dài hạn	330		57.390.587.204	61.740.411.368
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.3.6	35.273.099.383	48.139.947.183
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.11.	13.597.282.367	13.597.282.367
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	VIII.3.7	8.520.205.454	3.181.818
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		33.385.159.278	37.510.374.412
I Vốn chủ sở hữu	410	V.12.	33.385.159.278	37.510.374.412
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.000.000.000	17.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		3.300.000.000	3.300.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		12.236.667.938	12.236.667.938
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.487.647.530	2.364.957.800
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.639.156.190)	2.608.748.674
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		362.947.681.265	387.048.199.104

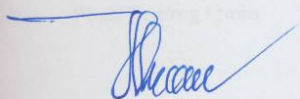
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Trường Quân

Nguyễn Bá Hanh

Nguyễn Huy Cường

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội

Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014

đến 30/06/2014

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13.	57.137.750.118	66.072.007.644
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		57.137.750.118	66.072.007.644
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.14.	52.485.918.204	60.714.933.677
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.651.831.914	5.357.073.967
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15.	107.834.230	195.215.578
7 Chi phí tài chính	22	VI.16.	3.882.465.337	5.965.227.629
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.882.465.337	5.965.227.629
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.8	4.877.805.050	4.974.186.531
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(4.000.604.243)	(5.387.124.615)
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.9	923	50.007
12 Chi phí khác	32	VIII.3.10	111.679.584	265.286.289
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(111.678.661)	(265.236.282)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(4.112.282.904)	(5.652.360.897)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.17.	12.932.230	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(4.125.215.134)	(5.652.360.897)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.19.	(2.427)	(3.325)

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Trường Quân

Nguyễn Bá Hanh

Nguyễn Huy Cường

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014
đến 30/06/2014

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.112.282.904)	(5.652.360.897)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.402.131.266	2.627.342.028
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(107.834.230)	(195.215.578)
- Chi phí lãi vay	06		3.882.465.337	5.965.227.629
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.064.479.469	2.744.993.182
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		38.898.645.419	55.045.107.989
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.120.010.690)	(27.733.040.939)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả)	11		(2.901.208.453)	(25.391.207.406)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		497.758.720	(212.881.010)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.995.567.337)	(8.331.171.248)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(842.165.015)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	19.675.852
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(420.431)	(11.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.601.511.682	(3.869.923.580)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			107.834.230	195.215.578
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		107.834.230	195.215.578
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		51.475.493.847	79.242.207.149
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.079.955.719)	(92.910.771.854)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.265.284.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.604.461.872)	(15.933.848.705)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(6.895.115.960)	(19.608.556.707)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.701.161.143	21.118.895.588
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	6.806.045.183	1.510.338.881

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Phan Trường Quân

Nguyễn Bá Hanh

Nguyễn Huy Cường

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinaconex 21 (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VINACONEX 21 JOINT STOCK COMPANY, viết tắt là VINACONEX 21 JSC tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000252 ngày 10/03/2005. Công ty Cổ phần Xây dựng số 21 được đổi tên thành Công ty Cổ phần Vinaconex 21 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236902 được thay đổi lần thứ 6 ngày 29/08/2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236902 thay đổi lần 6 ngày 29/08/2013 thì vốn điều lệ của Công ty là **17.000.000.000 đồng** (Mười bảy tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

Ngày 10/03/2010, Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: V21.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinaconex 21 - Xi nghiệp sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng được thành lập ngày 21/12/2006, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 số 0500236902-001 ngày 08/05/2012 tại xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.
- Công ty Cổ phần Vinaconex 21 - Chi nhánh Quảng Ninh được thành lập ngày 16/05/2012, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500236902-002 ngày 16/05/2012 tại số 69, đường Tuệ Tĩnh, phường Thanh Sơn, Tp. Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và sản xuất bê tông thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sân bay, bến cảng, đường hầm, cấp thoát nước, buro điện, văn hóa, thủy điện, nhiệt điện, phong điện, đường dây và trạm biến thế đến 500 KV, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án: Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát và quản lý dự án, tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa; Khảo sát địa hình, địa chất thủy văn, đo đạc công trình, thí nghiệm;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu dân cư, khu kinh tế mới, khu chế xuất, khu công nghiệp; Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ và khách sạn; Du lịch lữ hành; Vận chuyển hành khách du lịch;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư; máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, vật liệu xây dựng, đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cầu kiện và vật liệu dùng trong xây dựng và trang trí nội thất, ngoại thất;
- Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Thi công và tu bổ các công trình di tích lịch sử.

Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội

Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ 01/01 đến 30/06 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 tại thuyết minh số V.20.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các chi nhánh. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty và các chi nhánh và giữa các chi nhánh với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Do không có phát sinh các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nên Công ty không phải chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam (VND).

2022

ÔNG
TRIỆU
TOÀN
VIỆT

VIỆT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng là giá trị Văn phòng Công ty Cổ phần Vinaconex 21 đã được tạm ghi nhận theo chi phí xây dựng thực tế tập hợp trên tài khoản 241 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Đến 31/12/2011, Các tầng văn phòng của Công ty Cổ phần Vinaconex 21 thuộc dự án khu nhà ở văn phòng làm việc và cho thuê tại Ba La đã bàn giao và đưa vào sử dụng nhưng đến thời điểm 30/06/2014 vẫn chưa có Biên bản nghiệm thu, quyết toán công trình được duyệt. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định và chi phí khấu hao của các tầng nhà văn phòng có thể thay đổi khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản được duyệt. Tổng giá trị văn phòng Công ty Cổ phần Vinaconex 21 tạm ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31/12/2011 và sau khi tách hệ thống điều hòa ra khỏi nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30/06/2013 là 30.043.536.141 đồng, và chi phí khấu hao đã trích đến ngày 30/06/2014 là 1.532.833.468 đồng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản cố cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

28-C
TY
HỮU
ĐỊNH
NAN
TP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Loại tài sản cố địnhThời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa vật kiến trúc	5- 50
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: Chi phí phát sinh chờ phân bổ, chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, giá trị thương hiệu của Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam được xác định theo Quyết định số 1117/QĐ/VC-TCKH ngày 08/9/2003 của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam khi góp vốn vào Công ty;

Chi phí phát sinh chờ phân bổ bao gồm chi phí trước hoạt động của các trạm bê tông Hòa Lạc, bê tông thương phẩm Phú Thọ, bê tông Thanh Hóa... đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào sản xuất.

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm;

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản chi phí nhân công, vật tư thuộc dự án E16, chi phí dự án văn phòng công ty đã xác định với chủ đầu tư và chưa xuất hóa đơn được ghi nhận dựa trên hợp đồng kinh tế đã ký.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán nhà dự án, bán bê tông thương phẩm, bán thép, doanh thu cung cấp dịch vụ thí nghiệm và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 – "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu bán bê tông thương phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao thành phẩm cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ hoạt động bán nhà dự án: Đối với các căn hộ đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao cho người mua. Riêng đối với các căn hộ được bán trước khi phần xây dựng được hoàn tất, thì doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó Công ty có trách nhiệm xây dựng hoàn thành căn hộ, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê địa điểm được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, đã trừ đi chi phí lãi vay được vốn hóa.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Số dư dự phòng công nợ phải thu khó đòi trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp là số dự phòng được trích lập từ các năm tài chính trước. Tại thời điểm 30/06/2014 Công ty chưa xem xét trích lập bổ sung dự phòng phải thu đã quá hạn thanh toán theo quy định tại thông tư số 228/2009/BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính,

12.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với bê tông thương phẩm, công trình xây lắp và dịch vụ thí nghiệm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc kê khai thuế GTGT và Thuế TNDN tạm nộp của khoản người mua trả trước tiền nhà tại Dự án Phú Thịnh và Dự án khu nhà 21 tầng - Ba La đang hạch toán trên tài khoản 3388 theo quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 01/02/2012 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính.

12.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán nhà dự án được xác định trên cơ sở giá thành dự toán của từng căn hộ (hạ tầng và chi phí xây dựng), chi phí phát sinh thực tế đã tập hợp và kiểm tra hiện trạng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hàng bán của bê tông thương phẩm, bán thép được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận như sau:

+ Đối với các công trình đã hoàn thành bàn giao không còn các hạng mục dở dang, giá vốn được ghi nhận bằng tổng chi phí thực tế phát sinh đã được tập hợp phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

+ Đối với các công trình còn có các hạng mục dở dang đến cuối kỳ, Công ty tiến hành kiểm kê, đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ và xác định giá vốn trên cơ sở: Giá vốn xây lắp ghi nhận trong kỳ = Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + Tổng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ đã ghi nhận của từng công trình.

+ Đối với các công trình có thực hiện ký các hợp đồng giao khoán, giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh phù hợp với tỉ lệ giao khoán trong hợp đồng.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	1.692.275.809	155.770.801
Văn phòng Công ty	1.539.595.573	133.251.812
Chi nhánh - Xí nghiệp SXVLXD	150.910.552	21.345.389
Chi nhánh Quảng Ninh	1.769.684	1.173.600
Tiền gửi ngân hàng	1.196.269.374	12.245.390.342
Văn phòng Công ty	1.015.149.771	11.543.101.256
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	940.235.536	11.042.975.003
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Hà Tây	25.616.394	424.737.719
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Hà Tây	6.156.632	30.975.872
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sơn Tây	4.023.052	4.165.571
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - CN Hà Tây	1.000.570	1.000.589
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Điện Biên Phủ - PGD Thái Thịnh	37.084.234	37.011.180
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	714	1.208.293
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Kim Liên	1.032.639	1.027.029
Chi nhánh - Xí nghiệp SXVLXD	9.061.779	400.971.546
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Hà Tây	5.279.080	206.069.851
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam-CN Sơn Tây	3.782.699	194.901.695
Chi nhánh Quảng Ninh	172.057.824	301.317.540
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Ưông Bí	172.057.824	301.317.540
Tiền đang chuyển	585.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	585.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	3.332.500.000	1.300.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	1.300.000.000	1.300.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Ưông Bí	2.032.500.000	-
Tổng cộng	6.806.045.183	13.701.161.143

120
CÂN
CH NH
I TOÁN
VIỆT
GIẤY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Văn phòng Công ty	2.168.994.050	1.977.896.203
Phải thu khác	2.091.421.969	1.885.351.603
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	350.000.000	350.000.000
Ban quản lý cụm điểm công nghiệp thành phố Hà Đông	15.000.000	15.000.000
Công ty Intergeo 4	50.000.000	50.000.000
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thị xã Sơn Tây	591.653.450	591.653.450
Phạm Đình Phúc	165.815.000	165.815.000
Bảo hiểm xã hội phải thu của công nhân viên	806.355.216	515.417.256
Tiền thuế Thu nhập cá nhân	71.695.415	71.695.415
Các đối tượng khác	40.902.888	125.770.482
Dư nợ TK 3388	77.572.081	92.544.600
Bảo hiểm xã hội phải thu cán bộ công nhân viên	72.837.100	92.544.600
Phải thu CBCNV kinh phí công đoàn	4.734.981	-
Tổng cộng	2.168.994.050	1.977.896.203
3. Hàng tồn kho	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.457.538.659	1.522.562.050
Công cụ, dụng cụ	62.393.948	39.430.495
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang(*)	197.965.117.637	183.803.047.009
Cộng giá gốc hàng tồn kho	199.485.050.244	185.365.039.554
<p>(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí của các dự án và các công trình : Dự án khu nhà ở Phú Thịnh I; Khu luyện tập thể thao Hà Nội; Nhà triển lãm hội chợ Thanh Hóa; Xây dựng mạng lưới tuyến ống phân phối cho 2 xã Bích Hòa, Cao Viên huyện Thanh Oai; Phục hồi và phát huy giá trị di tích văn miếu Sơn Tây; Công trình Chợ Hà Đông;...</p> <p>Trong đó dự án Phú Thịnh được thế chấp tại Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel với giá trị là 36.271.967.379 đồng và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long - chi nhánh Hà Tây với giá trị là 199.789.804.000 đồng.</p> <p>Trong tổng giá trị dở dang các công trình, có một số công trình dở dang lâu ngày chưa được quyết toán với tổng giá trị là 103.421.294.823 đồng.</p>		
4. Phải thu dài hạn khác	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư hợp tác kinh doanh xây dựng Dự án " Khu chung cư và dịch vụ công cộng" trên khu đất C11/ODK 3 VÀ C11/ODKV	6.931.650.000	6.931.650.000
Đầu tư hợp tác khai thác mỏ đá tại Lương Sơn Hòa Bình	4.000.000.000	-
	6.931.650.000	6.931.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014
đến 30/06/2014
Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
(tiếp theo)

5. Tặng, giám tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2014	31.366.500.991	20.203.945.119	16.862.643.628	1.549.225.006	508.600.000	70.490.914.744
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2014	31.366.500.991	20.203.945.119	16.862.643.628	1.549.225.006	508.600.000	70.490.914.744
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2014	2.188.759.848	14.315.272.125	10.966.306.161	308.628.843	217.721.888	27.996.688.865
Khấu hao trong tăng	376.274.436	876.331.881	1.036.222.932	81.514.515	31.787.502	2.402.131.266
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2014	2.565.034.284	15.191.604.006	12.002.529.093	390.143.358	249.509.390	30.398.820.131
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	29.177.741.143	5.888.672.994	5.896.337.467	1.240.596.163	290.878.112	42.494.225.879
Tại ngày 30/06/2014	28.801.466.707	5.012.341.113	4.860.114.535	1.159.081.648	259.090.610	40.092.094.613

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.453.642.483 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

6. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ khác	513.797.328	654.657.106
Chi phí đầu tư bãi cát Cam Thượng	191.224.585	254.966.113
Chi phí đầu tư trạm bê tông Hòa Lạc	243.480.457	324.640.610
Chi phí đầu tư trạm bê tông thương phẩm Phú Thọ	187.751.053	250.334.737
Nhà ăn văn phòng công ty	45.953.563	61.271.417
Chi phí phòng thí nghiệm Hòa Lạc	18.555.861	37.111.361
Chi phí trạm bê tông Thanh Hóa	350.785.202	466.325.425
Phần mềm kế toán	-	6.666.667
Tổng cộng	1.551.548.049	2.049.306.769
7. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>82.038.663.135</i>	<i>105.337.480.394</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Hà Tây (1)	82.038.663.135	78.124.380.734
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (2)	-	27.213.099.660
<i>Nợ dài hạn hạn đến hạn trả</i>	<i>6.979.355.387</i>	<i>8.700.000.000</i>
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - CN Hà Tây	6.979.355.387	8.700.000.000
Tổng cộng	89.018.018.522	114.037.480.394

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây theo 2 hợp đồng:

*Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/178011/HĐTD ngày 30/08/2013; Hạn mức cho vay là 80 tỷ; Mục đích bổ sung vốn lưu động; Thời hạn cho vay 10 tháng.**Hợp đồng tín dụng số 01/2014/178011/HĐTD ngày 31/03/2014; Hạn mức cho vay là 7 tỷ; Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu số 04: Xây dựng Nhà triển lãm - Hội trợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hóa; Thời hạn cho vay 06 tháng.**Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/178011/HĐTD ngày 25/6/2014 với số tiền vay là 80 tỷ đồng; mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay được xác định tại hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất xác định trong từng món vay cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.*

(2) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn theo hạn mức số 080811/TDHM/VC21 ngày 08/8/2011 với số tiền vay là 50 tỷ đồng; mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động thực hiện dự án Khu nhà ở Ba La và dự án Khu nhà ở Phú Thịnh; thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày rút vốn; lãi suất cho vay theo quy định của bên cho vay theo từng thời kỳ. Hình thức đảm bảo: 33 ô đất phân lô biệt thự, liền kề dự án Khu nhà ở Phú Thịnh thị xã Sơn Tây Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND	
				30/06/2014	
Thuế GTGT đầu ra	26.878.391.470	1.352.169.515	5.234.273.685	22.996.287.300	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.918.080.857	12.932.230	842.165.015	2.088.848.072	
Thuế thu nhập cá nhân	3.718.247	-	-	3.718.247	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	15.602.405	15.602.405	-	
Các loại thuế khác	962.092.797	5.000.000	5.000.000	962.092.797	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.762.283.371			26.050.946.416	

9. Chi phí phải trả

	30/06/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
Chi phí lãi vay		117.159.378		162.465.033
Trích trước công trình E16		225.254.545		225.254.545
Trích trước công trình Đường Đồi Cúc Di Lăng		68.982.226		-
Trích trước dự án văn phòng Công ty		632.404.200		632.404.200
Tổng cộng		1.043.800.349		1.020.123.778

10. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2014		01/01/2014	
	VND		VND	
Văn Phòng Công ty		55.038.624.434		27.308.209.431
Bảo hiểm xã hội		2.425.988.285		1.981.149.557
Các khoản phải trả, phải nộp khác		37.070.426.963		8.853.936.836
Nợ phải trả cho Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel (*)		28.940.408.669		3.329.950.000
Chi phí bảo trì tòa nhà 21 tầng tại Ba La		2.089.707.000		1.846.213.000
Chi phí bảo trì tòa nhà thuộc dự án Phú Thịnh		309.348.000		-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long-CN Nguyễn Xuân Việt		845.156.299		492.708.676
Nguyễn Mạnh Hà		30.241.446		30.241.446
Nguyễn Xuân Việt		1.600.000.000		-
Nguyễn Mạnh Hà		1.287.032.214		1.287.032.214
XL và lắp đặt thang máy DA ĐTXD trung tâm phòng chống HIV		1.968.533.335		1.867.791.500
Phải trả phải nộp khác		-		5.861.234
Dư có TK 1388		-		5.861.234
Công ty Cổ phần Đầu tư Quảng Long		-		5.861.234
Dư có TK 141		15.542.209.186		16.467.261.804
Đặng Ngọc An - Đội 1		186.118.677		256.118.677
Nguyễn Cao Lâm - Đội 5		85.236.570		-
Phạm Văn Mỹ - Đội 8		-		94.620.766
Nguyễn Văn Sắc		161.171.454		161.171.454
Nguyễn Văn Uyên - Đội 9		212.733.048		1.088.437.346
Nguyễn Quang Vịnh		348.584.504		594.600.704
Phạm Văn Học - Đội 4		2.579.212.184		5.201.648.776
Nguyễn Quang Dũng - Đội 12		190.798.243		202.961.136
Nguyễn Thái Hưng		10.046.319.296		7.042.444.396

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014
đến 30/06/2014

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Nguyễn Quang Tuấn	1.252.753.805	1.252.753.805
Các đối tượng khác	479.281.405	572.504.744
	-	39.449.100
Chi nhánh Quảng Ninh		
	55.038.624.434	27.347.658.531
Tổng cộng		

(*): Ngày 26/03/2014, Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel đã có công văn số 66/2014/VVF-TD về việc dừng tính lãi khoản nợ gốc 27.213.099.660 đồng từ thời điểm 01/01/2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng số 21. Theo đó, toàn bộ số dư khoản vay ngắn hạn được Công ty phân loại sang theo dõi trên TK 3388 - Phải trả khác.

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
11. Vay và nợ dài hạn		
<i>Vay dài hạn</i>	13.597.282.367	13.597.282.367
Vay ngân hàng Đầu tư và phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (MHB - Hà Tây) (1)	13.597.282.367	13.597.282.367
Tổng cộng	13.597.282.367	13.597.282.367

(1) Hợp đồng tín dụng dài hạn số TD.0023.09/HĐTD ngày 24/12/2009 với số tiền vay là 7 tỷ đồng; mục đích cho vay đầu tư thiết bị trạm trộn bê tông và giàn giáo cốp pha thi công; thời hạn 60 tháng kể từ ngày nhận nợ; lãi suất biến đổi được áp dụng theo quy định của Ngân hàng. Phụ lục hợp đồng ngày 25/12/2013 chuyển toàn bộ vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số NA.0027.10/HĐTD và số NA.0028.10/HĐTD ngày 24/6/2010 với số tiền vay là 100 tỷ đồng; mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động thực hiện dự án Khu nhà ở Ba La và dự án Khu nhà ở Phú Thịnh; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận nợ; lãi suất biến đổi theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ sang vay dài hạn với thời hạn trả là 25/12/2016, lãi suất 13%/ năm. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất hình thành trong tương lai của lô đất thuộc dự án Khu nhà ở Phú Thịnh với giá trị thống nhất là 233.789.804.000 đồng theo biên bản định giá ngày 05/03/2009.

12. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	17.000.000.000	3.300.000.000	4.666.753.529	24.966.753.529
Lãi trong năm trước	-	-	122.689.730	122.689.730
Trích lập các quỹ	-	-	(468.419.085)	(468.419.085)
Chia cổ tức	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
Giảm khác	-	-	(12.275.500)	(12.275.500)
Số dư tại ngày 31/12/2013	17.000.000.000	3.300.000.000	2.608.748.674	22.908.748.674
Lỗ trong kỳ này	-	-	(4.125.215.134)	(4.125.215.134)
Trích lập các quỹ	-	-	(122.689.730)	(122.689.730)
Chia cổ tức	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2014	17.000.000.000	3.300.000.000	(1.639.156.190)	18.660.843.810

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014
đến 30/06/2014

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘKỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
(tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
TCT Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Xuân Việt	10.290.000.000	10.290.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.410.000.000	6.410.000.000
Cộng	17.000.000.000	17.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	17.000.000.000	17.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	17.000.000.000	17.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	17.000.000.000	17.000.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	-	1.700.000.000

đ) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.700.000	1.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.700.000	1.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.700.000	1.700.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.700.000	1.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.700.000	1.700.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

e) Các quỹ của công ty

Chỉ tiêu	01/01/2014	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/06/2014
Quỹ đầu tư phát triển	12.236.667.938	-	-	12.236.667.938
Quỹ dự phòng tài chính	2.364.957.800	122.789.730	-	2.487.747.530
Tổng cộng	14.601.625.738	122.789.730	-	14.724.415.468

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản: chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Quý dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quý dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ các khoản chia cổ tức, thuế TNDN năm hiện hành, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ

13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu bán bê tông thương phẩm	16.418.296.501	4.412.750.914
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.780.909	95.734.004
Doanh thu hoạt động xây lắp	23.008.074.155	61.563.522.726
Doanh thu bán nhà dự án	17.690.598.553	-
Tổng cộng	57.137.750.118	66.072.007.644
14. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Giá vốn bán bê tông thương phẩm	14.178.675.408	4.677.302.219
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	228.858.745
Giá vốn của hoạt động xây lắp	22.182.814.804	55.808.772.713
Giá vốn bán nhà dự án	16.124.427.992	-
Tổng cộng	52.485.918.204	60.714.933.677
15. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	107.834.230	195.215.578
Tổng cộng	107.834.230	195.215.578
16. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.882.465.337	5.965.227.629
Tổng cộng	3.882.465.337	5.965.227.629

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i>		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	39.554.986.718	66.267.273.229
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	43.726.052.486	71.919.634.126
Chi phí không tính thuế thu nhập doanh nghiệp	21.233.332	127.201.278
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.149.832.436)	(5.525.159.619)
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	17.690.598.553	-
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	17.631.815.689	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	58.782.864	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	12.932.230	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.932.230	-
18. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.809.427.093	34.212.799.207
Chi phí nhân công	14.871.079.871	23.728.694.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.402.131.266	5.155.914.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.951.679.745	28.876.429.645
Chi phí khác bằng tiền	4.867.069.867	9.089.012.777
Tổng cộng	69.901.387.842	101.062.850.827
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.125.215.134)	(5.652.360.897)
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.125.215.134)	(5.652.360.897)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.700.000	1.700.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.427)	(3.325)
20. Công cụ tài chính Quản lý rủi ro vốn		
<p>Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.</p>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.07 và V.11, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.806.045.183	13.701.161.143
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.036.729.194	102.746.515.217
Tổng cộng	84.842.774.377	116.447.676.360
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	102.615.300.889	127.634.762.761
Phải trả người bán và phải trả khác	156.091.143.469	169.963.073.754
Chi phí phải trả	1.043.800.349	1.020.123.778
Tổng cộng	259.750.244.707	298.617.960.293

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro try giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	120.818.044.086	35.273.099.383	156.091.143.469
Chi phí phải trả	1.043.800.349	-	1.043.800.349
Các khoản vay	89.018.018.522	13.597.282.367	102.615.300.889
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	121.823.126.571	48.139.947.183	169.963.073.754
Chi phí phải trả	1.020.123.778	-	1.020.123.778
Các khoản vay	114.037.480.394	13.597.282.367	127.634.762.761

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội

Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014

đến 30/06/2014

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.806.045.183	-	6.806.045.183
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.036.729.194	10.931.650.000	88.968.379.194
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.701.161.143	-	13.701.161.143
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.746.515.217	6.931.650.000	109.678.165.217

VIII. Những thông tin khác**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Theo Quyết định số 91/QĐ/CT21-TCHC ngày 01/08/2012 của Hội đồng quản trị công ty cổ phần Vinaconex 21 về việc Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Xây dựng Khu Nam Hà Nội và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101984752 ngày 04/09/2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng Khu Nam Hà Nội, Công ty Cổ phần Vinaconex 21 có trách nhiệm góp vốn vào công ty nói trên với số tiền là 10.200.000.000 đồng chiếm 51% Vốn điều lệ của Công ty đó. Tuy nhiên đến thời điểm 30/06/2014, Công ty Cổ phần Vinaconex 21 chưa góp vốn vào công ty con nói trên, do đó công ty không thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu nhập Ban Tổng giám đốc	260.287.364	220.433.821
Tổng cộng	260.287.364	220.433.821

2.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu			
Tổng Công ty CP XNK&XD Việt Nam	Cổ đồng	8.998.273.816	8.998.273.816
Các khoản phải trả			
Nguyễn Xuân Việt	Chủ tịch HĐQT	30.241.446	30.241.446

3. Những thông tin khác**3.1 Phải thu của khách hàng**

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Văn phòng Công ty	70.840.605.839	97.376.369.899
Công ty Cấp nước Sơn Tây	1.014.327.000	1.014.327.000
Công ty TNHH Lê Hiệp	1.118.221.837	1.118.221.837
Ban QLDA đầu tư và xây dựng Thành phố Hà Đông	8.469.583.729	7.394.155.729
Tổng Công ty cổ phần XNK&XD Việt Nam - Vinaconex	8.998.273.816	8.998.273.816

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Ban QLDA đầu tư xây dựng Thị xã Sơn Tây	2.321.356.537	6.353.847.878
Ban QLDA đầu tư xây dựng và mở rộng đường Láng Hoà Lạc	1.063.972.002	1.063.972.002
Ban QLDA khu đô thị Mỹ Lao	3.183.604.000	5.616.831.000
Ban QL các DA công trình XD số II - Sờ Xd Thanh Hoá	1.422.106.000	2.333.212.000
Chi nhánh Công ty Bất Động Sản Việt Nhật tại Phú Thọ	2.867.975.000	2.867.975.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và XNK Cảnh Viên Contrexim	828.490.168	828.490.168
Trung tâm Internet Việt Nam	24.142.416	1.671.089.300
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.170.855.250	9.399.815.162
Công ty Cổ phần SME Hoàng Gia	741.290.000	849.650.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh thiết bị xây dựng và thương mại số 9	1.311.578.000	1.311.578.000
Công ty TNHH Đầu tư Quảng Long Thanh Hóa	11.420.382.200	15.420.382.200
Công ty Cổ phần thực phẩm sữa TH	2.172.236.619	2.172.236.619
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Than Nam Mẫu	4.214.236.107	4.214.236.107
Ban quản lý cụm điểm công nghiệp thành phố Hà Đông	1.085.069.000	1.085.069.000
Ban QLDA Sở y tế Hà Nội	-	4.829.355.291
Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	-	5.842.572.000
Các đối tượng khác	11.412.906.158	12.991.079.790
Chi nhánh - Xí nghiệp SXVLXD	5.911.380.290	4.276.500.100
Công Cổ phần xây lắp dầu khí toàn cầu	107.009.500	126.809.500
Công ty TNHH Đầu tư Quảng Long- Thanh Hoá	652.976.600	652.976.600
Công ty TNHH Quảng Long	374.630.000	374.630.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Lạc Việt	546.205.000	1.012.115.000
CN Doanh nghiệp tư nhân xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	1.001.985.000	582.390.000
Xí nghiệp cơ khí xây dựng Thăng Long	-	332.610.000
Xí nghiệp 296- Chi nhánh Tổng Công ty 319 - BQP	1.245.514.740	-
Các đối tượng khác	1.983.059.450	1.194.969.000

Tổng cộng**76.751.986.129****101.652.869.999**3.2 *Trả trước cho người bán*

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Văn phòng Công ty	16.609.941.317	24.185.776.054
Công ty TNHH Quảng Long	873.060.325	562.157.220
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ An Dương	1.845.164.000	1.845.164.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Cây xanh	625.000.000	625.000.000
Công ty Cổ phần thép Khánh Hòa	1.605.925.788	4.249.239.388
Công ty TNHH đầu tư và sản xuất Khánh Hùng	782.202.000	2.000.000.000
Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hùng Dũng	4.564.000.000	4.624.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng CIVILCO	-	3.749.651.860
Các đối tượng khác	6.314.589.204	6.530.563.586
Chi nhánh - Xí nghiệp SXVLXD	665.420.649	30.693.924
Công ty TNHH MTV CK Đức TM Tiền Hải	470.534.924	30.693.924
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại và Dịch vụ Hải Đăng	194.885.725	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014
đến 30/06/2014

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Chi nhánh Quảng Ninh	272.019.998	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Quỳnh Hội	80.019.998	-
Công ty TNHH Tân Hoàng Nguyên	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tuấn Ngọc	42.000.000	-
Tổng cộng	17.547.381.964	24.216.469.978
3.3 Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	8.385.635.264	9.261.941.681
Văn phòng Công ty	6.899.002.634	7.781.759.413
Phạm Văn Mỹ - Đội 8	895.096.415	876.102.295
Nguyễn Cao Lâm - Đội 5	454.599.282	686.523.452
Nguyễn Hữu Thịnh - Đội 2	522.088.248	502.088.248
Nguyễn Quang Vịnh	1.350.933.944	926.950.144
Nguyễn Huy Cường	264.329.275	1.384.226.353
Nguyễn Quang Dũng - Đội 12	189.773.407	-
Nguyễn Việt Dũng - Đội 3	512.039.943	512.039.943
Nguyễn Thế Vinh	312.231.140	310.231.140
Các đối tượng khác	2.397.910.980	2.583.597.838
Chi nhánh - Xí nghiệp SXVLXD	1.486.632.630	1.480.182.268
Nguyễn Minh Đông	548.120.280	597.201.280
Lâm Quang An	938.512.350	882.935.550
Hà Thanh Liêm	-	45.438
Chi nhánh Quảng Ninh	6.130.339	-
Ngô Khánh Thành	4.582.339	-
Hoàng Minh Tuấn	1.548.000	-
Tổng cộng	8.391.765.603	9.261.941.681
3.4 Phải trả người bán	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Văn Phòng Công ty	60.948.744.835	91.451.364.857
Công ty TNHH Thể thao Thành Lâm	2.866.948.226	2.866.948.226
Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng	466.122.908	666.122.908
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Thương mại Việt Hàn	1.170.489.838	1.670.489.838
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Khánh	-	1.347.502.860
Công ty TNHH Quảng Long	146.580.368	2.306.992.263
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Đông Hưng	322.792.241	5.228.737.341
Công ty Cổ phần XD Khu Nam Hà Nội	337.141.524	3.224.842.010
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	2.122.382.972	1.806.389.272
Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	724.100.000	1.024.100.000
DNTN Xuân Khương	-	5.001.468.977
Công ty TNHH Tân Hoàng Nguyên	1.052.670.084	1.582.123.985
Công ty TNHH Điện lạnh & Thiết bị công nghiệp Tân Thanh	1.730.715.022	1.730.715.022

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21Địa chỉ: Phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội
Tel: (84-4) 63 256 588 Fax: (84-4) 63 256 588**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014
đến 30/06/2014

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Công ty TNHH Sản xuất TM&DVTH Anh Mỹ	1.465.565.713	1.915.565.713
Công ty TNHH MTV Xây dựng & Vật tư Hương Lý	1.227.023.680	1.322.862.980
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng công trình 135	3.610.372.189	3.610.372.189
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hùng Dũng	1.115.137.031	1.825.017.963
Công ty TNHH Sản xuất Tuấn Thành	1.239.446.988	1.270.700.238
Công ty Cổ phần Xây dựng VRO	1.203.333.000	1.203.333.000
Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Khánh Hùng	1.116.453.357	1.266.453.357
Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Quang Chiến	1.376.361.000	1.576.361.000
Các đối tượng khác	37.655.108.694	49.004.265.715
Chi nhánh - Xí nghiệp SXVLXD	3.559.818.279	2.952.201.189
Công ty Cổ phần Đầu tư 318	360.689.589	295.405.589
Công ty TNHH Hùng Hưng	87.951.000	1.637.951.000
Công ty TNHH Hoàng Hà Sơn	800.770.200	689.667.400
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Lâm Thanh	1.376.493.600	-
Các đối tượng khác	933.913.890	329.177.200
Chi nhánh Quảng Ninh	1.270.856.538	71.901.994
Công ty Cổ phần Vững Đức	112.955.593	60.647.994
Công ty TNHH MTV Kiểm định xây dựng - TESCO	-	11.254.000
Công ty Cổ phần Thương mại Cát Linh	718.410.000	-
Các đối tượng khác	439.490.945	-
Tổng cộng	65.779.419.652	94.475.468.040
3.5 Người mua trả tiền trước	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Văn Phòng Công ty	17.152.706.709	6.750.677.000
Ban QLDA Đầu tư xây dựng Thị xã Sơn Tây	3.274.420.000	3.274.420.000
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hoài Đức	850.000.000	850.000.000
Ban QLDA Xây dựng công trình huyện Bình Gia	450.000.000	-
Công ty TNHH Sen Xanh	2.163.507.000	2.163.507.000
Ban QLDA Sở y tế Hà Nội	8.688.644.709	-
Ban quản lý các dự án và khai thác Hạ Tầng	1.214.685.000	-
Đối tượng khác	511.450.000	462.750.000
Chi nhánh - Xí nghiệp SXVLXD	-	363.590.400
Công ty Cổ phần xây dựng số 10	-	72.930.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Phương Đông	-	43.350.000
Công ty TNHH L&C	-	116.000.400
Xí nghiệp 296- Chi nhánh Tổng Công ty 319 - BQP	-	131.310.000
Chi nhánh Quảng Ninh	2.700.000.000	300.000.000
Kho bạc Nhà nước Cẩm Phả	2.700.000.000	300.000.000
Tổng cộng	19.852.706.709	7.414.267.400

3-C
TY
ƯU H
INH C
M

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

3.6 <i>Phải trả dài hạn khác</i>	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.000.000	3.000.000
Nhận vốn góp đầu tư dự án Khu nhà ở Phú Thịnh	34.770.099.383	39.779.311.183
Nhận vốn góp đầu tư dự án Văn phòng Công ty	500.000.000	8.357.636.000
Tổng cộng	35.273.099.383	48.139.947.183
3.8 <i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.948.775.336	1.938.423.689
Chi phí vật liệu quản lý	-	136.535.406
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.637.534	33.928.946
Chi phí khấu hao TSCĐ	839.917.818	1.061.319.107
Thuế, phí và lệ phí	541.548.440	725.761.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.640.447	375.591.265
Chi phí bằng tiền khác	1.375.285.475	702.626.753
Tổng cộng	4.877.805.050	4.974.186.531
3.9 <i>Thu nhập khác</i>	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Thu nhập khác	923	50.007
Tổng cộng	923	50.007
3.10 <i>Chi phí khác</i>	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi nộp phạt hành chính thuế	400.000	-
Điều chỉnh xử lý chênh lệch thuế	-	106.367.946
Xử lý công nợ	20.645	7
Lãi chậm nộp BHXH	111.258.939	158.918.336
Tổng cộng	111.679.584	265.286.289

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2013 của Công ty Cổ phần Vinaconex 21 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21

Người lập

Phan Trường Quân

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Hanh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Cường

